

Bản án số: 173/2024/HC-PT

Ngày: 14-3-2024

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Mười

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Cúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Cao Minh Trí – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 1122/2023/TLPT-HC ngày 25/12/2023 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại*” do Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 428/2024/QĐ-PT ngày 28/02/2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ D, ấp S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1959. Địa chỉ: 7, tổ F, Khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T.

2.2. Ủy ban nhân dân huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T: Bà Lương Thị L - Phó Chủ tịch Ủy ban huyện T (Theo văn bản ủy quyền số 6174/UBND-TCD ngày 18/5/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ.

Quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ: Ông Võ Tấn Đ (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Bà Lưu Thị Mai H - Phó Chi Cục Trưởng Chi cục Quản lý đất đai Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đ (Theo văn bản ủy quyền số 5259/UBND-THNC ngày 18/5/2021) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phùng Xuân N1, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ D, ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Đỗ Thị Na .

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/12/2020 của người khởi kiện bà Đỗ Thị N và trong quá trình tham gia tố tụng, tại phiên tòa sơ thẩm do ông Nguyễn Trọng T là người đại diện theo ủy quyền của bà N trình bày:*

Ngày 28/02/2017, Hội đồng bồi thường dự án đường dây 500 KV- Trung tâm Đ4- rẽ Sông M- Tân Uyên đoạn đi qua xã B, huyện T tiến hành kiểm kê đất và tài sản trên đất đã thể hiện bà Đỗ Thị N đang sử dụng căn nhà cấp 4 diện tích 66m², kết cấu gồm: Mái tôn, khung cột gạch, tường xây quét vôi + lăn sơn, ốp gạch, nền gạch men, trần xốp, cửa sắt + tô; căn nhà 2 có diện tích 70m², cửa sắt, trần ván ép, mái tôn, tường xây tô nước sơn; căn nhà 3 có diện tích 440,8m² kết cấu: Mái tôn, khung cây + sắt, vách tôn, xây dựng trên mặt nước. Theo Quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T và Quyết định phê duyệt bồi thường bổ sung số 6441/QĐ-UBND, ngày 12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T thì bà N được bồi thường công trình 1 là 122.812.800 đồng và nhà 2 với số tiền là 130.256.000 đồng, căn nhà 3 được bồi thường là 85.956.000 đồng việc bồi thường như trên là không đúng với giá bồi thường được quy định tại Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND, ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ về việc cấp tái định cư cho bà N khi bị di chuyển chỗ ở, mất chỗ ở cũ thì UBND huyện T ban hành văn bản số 6950/UBND-PTQĐ ngày 01/7/2019 cho rằng bà N không có hộ khẩu ở xã B nên không thuộc đối tượng xem xét giải quyết xuất tái định cư là chưa đúng thực tế và quy định của pháp luật.

Do bà N không đồng ý với mức giá bồi thường nhà ở và không giải quyết 01 suất tái định cư nên đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện T, UBND huyện đã tổ chức đối thoại, bà N đã trình bày đầy đủ, tuy nhiên trong Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3480/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND huyện T và biên bản kiểm kê theo đó cũng thừa nhận bà N có nhà ở hợp pháp xây dựng năm 2014 và nay bị phá bỏ do ảnh hưởng của đường dây điện 500 KV- Trung tâm Đ4 - rẽ Sông M - Tân Uyên đoạn đi qua xã B, huyện T nêu trên nên bà N tiếp tục khiếu nại đến UBND tỉnh Đ, trong quá trình làm việc với thanh tra tỉnh và đối thoại với Chủ tịch UBND tỉnh Đ, bà N cũng đã nêu rõ 02 vấn đề, thứ nhất là: Giá bồi thường tài sản trên đất là chưa đúng quy định của UBND tỉnh; thứ hai: Yêu cầu cấp cho bà N 01 suất tái định cư, vì bà N phải di chuyển chỗ ở mới;

Tuy nhiên UBND tỉnh Đ đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4323/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 theo đó không công nhận nội dung khiếu nại đề ngày 24/04/2019 của bà N, công nhận Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà N là đúng quy định của pháp luật;

Như vậy, nội dung khiếu nại của bà N yêu cầu UBND huyện T xem xét đối với giá bồi thường tài sản và giải quyết đất tái định cư tại dự án đường dây điện 500 KV- Trung tâm Đ4 - rẽ Sông M - Tân Uyên đoạn đi qua xã B, huyện T là có căn cứ nhưng cho đến nay chưa có cơ quan chức năng có thẩm quyền xem xét giải quyết;

Căn cứ vào các Điều 103 Luật đất đai năm 2013, Điều 6 nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ T2, Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đ, Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ, thì bà N đủ điều kiện được cấp 01 suất tái định cư theo quy định của pháp luật và bồi thường đúng theo giá nhà theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ đã ban hành mà bà N đã trích dẫn nêu trên;

Từ những phân tích trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật đã trích dẫn, bà thấy rằng việc UBND huyện T ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3480/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 và UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 02 số 4323/QĐ-

UBND ngày 30/12/2019, mà theo đó không xem xét giá cả bồi thường tài sản và xem xét giải quyết tái định cư cho bà N là hoàn toàn chưa đúng quy định của pháp luật, xâm phạm trực tiếp đến quyền lợi hợp pháp của bà N;

Nay bà N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên hủy các quyết định sau:

1. Quyết định số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, tái định cư;

2. Quyết định số 6441/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 6442/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường bổ sung cho bà N;

3. Quyết định số 3480/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu;

4. Quyết định số 4323/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai;

** Tại văn bản số 3409/UBND-TNMT ngày 29/3/2022 của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom do bà Lương Thị L chức vụ phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

1. Trình tự, thủ tục thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đỗ Thị N:

Ngày 17/3/2016, UBND tỉnh ban hành thông báo số 1899/TB-UBND, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV, Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T.

Ngày 07/4/2016, Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh- Chi nhánh T3 (Nay là Trung tâm phát triển quỹ đất huyện) phối hợp với UBND xã B và các ban ngành của UBND huyện tổ chức cuộc họp Thông báo thu hồi đất; Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm điểm để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV, đoạn qua huyện T cho các hộ dân bị thu hồi đất, bị ảnh hưởng nằm trong hành lang tuyến đường điện đi qua; thực hiện niêm yết công khai Thông báo số 1899/TB-UBND ngày 17/3/2016 tại trụ sở UBND xã B và Văn phòng áp S.

Ngày 27/4/2016, UBND huyện ban hành Quyết định số 1352/QĐ-UBND, về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV.

Ngày 12/5/2016 Hội đồng bồi thường dự án phối hợp UBND xã B và các ban ngành của UBND huyện tổ chức cuộc họp triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV.

Ngày 28/02/2017, tổ kiểm điểm tiến hành kiểm điểm về đất đai, tài sản trên đất của bà Đỗ Thị N sử dụng thửa đất số 73 tờ bản đồ số 01 xã B diện tích 576,5m², diện tích bị ảnh hưởng nằm trong hành lang đường dây điện 500KV 203,2m², không bị thu hồi đất. Bà N đã phối hợp với đoàn kiểm điểm, thống nhất với số liệu kiểm điểm và ký xác nhận vào biên bản kiểm kê.

Ngày 28/7/2017, UBND xã B xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc và các biểu mẫu đính kèm.

Ngày 07/3/2018, UBND tỉnh ban hành Văn bản số 2124/UBND-ĐT, về xử lý bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân thuộc dự án đường dây 500KV đoạn qua huyện T.

Ngày 22/3/2018, Hội đồng bồi thường dự án đã tiến hành niêm yết công khai và lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ tại Thông báo số 21/TB-HĐBT.

Ngày 30/8/2018, Hội đồng bồi thường dự án đã có Tờ trình số 109/TTr-HĐBT, về việc đề nghị phương án bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng đường dây 500KV, đoạn qua huyện T (đợt A) trình Tổ thẩm định theo quy định.

Ngày 09/10/2018 UBND huyện T ban hành Quyết định số 5238/QĐ-UBND, Quyết định số 5239/QĐ-UBND và Quyết định số 5240/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đỗ Thị N để thực hiện dự án Xây dựng đường dây 500KV. Tổng số tiền là 396.200.717 đồng.

Ngày 12/11/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 141/TB-TTPTQĐ, về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV gửi đến hộ bà N.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 6183/UBND-ĐT ngày 15/6/2018, về việc xử lý bồi thường, hỗ trợ bổ sung và Văn bản số 8399/UBND-ĐT ngày 23/8/2018, về việc xử lý hỗ trợ tài sản cho các hộ dân; Văn bản số 4437/UBND-ĐT ngày 07/5/2018, về việc thực hiện hỗ trợ khác về đất; Thông báo số 5998/TB-UBND ngày 11/6/2018 về việc thực hiện hỗ trợ khác cho các hộ dân bị giải tỏa nhà thuộc các dự án điện qua địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngày 05/12/2018, UBND huyện ban hành Quyết định số 6441/QĐ-UBND, Quyết định số 6442/QĐ-UBND và Quyết định số 6443/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bổ sung chính sách hỗ trợ khác cho hộ bà N để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV (đợt 21) với tổng số tiền là 120.733.600 đồng.

Ngày 14/12/2018, Trung tâm phát triển quỹ đất có Thông báo số 194/TB-TTPTQĐ, về việc nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV (đợt 21) gửi đến hộ bà N.

Ngày 03/10/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 4782/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Đỗ Thị Na để thực hiện dự án Xây dựng đường dây 500KV.

Ngày 22/6/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 2296/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Đỗ Thị N (ông Đình Công Đ1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV.

Bà Đỗ Thị N đã liên hệ với Trung tâm phát triển quỹ đất lập thủ tục nhận tiền theo quy định.

2. Quá trình giải quyết ý kiến, đơn thư khiếu nại:

2.1. Về giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Ngày 14/4/2018, UBND huyện tổ chức buổi làm việc gấp gờ, đối thoại với các hộ dân có ý kiến kiến nghị, thắc mắc của các hộ dân về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản, vật kiến trúc tại dự án đường dây 500KV (bà Trần Thị T1 -đại diện thay cho em là bà Đỗ Thị N). Qua kết quả buổi làm việc UBND huyện kết luận đối với ý kiến kiến nghị của bà N:

“Đối với nhà (có diện tích 66m²; 70m², 70m²), U đề nghị UBND tỉnh xem xét tính theo giá nhà C4H3 (giá 2.326.000 đ/m²). Nên UBND tỉnh không đồng ý, UBND huyện sẽ chỉ đạo các đơn vị chức năng tiến hành kiểm theo thực tế.

Đối với chòi có diện tích 440,8m² đề nghị tính theo giá nhà thẩm định, nhưng tỷ lệ 100%”.

Căn cứ khoản 3, Điều 4, Quy định kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh, với nội dung; “Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được nhà nước bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở hoặc được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất nếu nhà ở bị giải tỏa xây dựng trước ngày 01/7/2014, nếu nhà ở xây dựng từ ngày 01/7/2014 về sau bị giải tỏa thì không được xem xét, giải quyết việc giao đất ở”.

Trên cơ sở xác nhận của UBND xã B và hồ sơ bồi thường, hỗ trợ tại dự án thể hiện:

+ Hộ bà Đỗ Thị N tạm trú tại tổ H, KP3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Tài sản tạo lập trên đất nông nghiệp từ năm 2014.

+ Không phải di chuyển chỗ ở, còn nhà ở khác trên địa bàn xã. (Theo xác nhận của Công an xã B tại Báo cáo số 11/BC-CAX ngày 30/12/2019, thể hiện: “Qua kiểm tra hồ sơ tàng trữ nhân khẩu đối với hộ bà N xác định hiện bà N đang chung sống cùng chồng là Phùng Xuân N1, các con và em chồng là Phùng Văn B gồm 05 nhân khẩu do anh N1 làm chủ hộ tại ấp S, xã B. Theo hồ sơ đăng ký nhập khẩu của anh N1 vào năm 2017, anh N1 có làm “đơn xin xác nhận nhà

ở hợp pháp” tại thửa đất 155, tờ bản đồ số 11 thuộc ấp S, xã B và có xác nhận của UBND xã B. Hiện gia đình bà N đang sinh sống cùng chồng và con trai tại nhà thuộc thửa đất trên”).

+ Ngày 10/01/2020 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức buổi họp lấy ý kiến về nội dung xin mua lô nền đất ở của các hộ dân tại dự án đường D Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T. Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, đối chiếu, vận dụng các quy định của pháp luật, nhu cầu đất ở của từng hộ dân và hồ sơ xác minh do UBND xã B cung cấp, các thành phần tham dự có ý kiến không xem xét hỗ trợ cho mua lô nền đất ở đối với 20 hộ dân (Trong đó có hộ bà Đỗ Thị N).

Do đó, hộ bà N không đủ điều kiện được cấp đất tái định cư hay giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

2.2. Đơn khiếu nại:

Ngày 14/01/2018, bà N có đơn khiếu nại gửi UBND huyện với nội dung: “Khiếu nại Quyết định số 5238/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND huyện”. Ngày 02/8/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 3480/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị N (lần đầu).

Ngày 03/10/2019, UBND huyện ban hành Quyết định số 4782/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Đỗ Thị N (ông Đình Công Đ1 được cấp giấy CN.QSĐĐ) để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV Trung tâm Đ4, đoạn xã B, huyện T.

Ngày 22/6/2020, UBND huyện ban hành Quyết định số 2296/QĐ-UBND, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà Đỗ Thị N (ông Đình Công Đ1 được cấp giấy CN.QSĐĐ) để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV Trung tâm Đ4, tại xã B, huyện T.

Không đồng ý kết quả giải quyết của UBND huyện, bà N có đơn khiếu nại lần hai, được UBND tỉnh giải quyết tại Quyết định số 4323/QĐ-UBND ngày 30/12/2019, về việc giải quyết khiếu nại của bà N. Nội dung Bác đơn khiếu nại, công nhận Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của UBND huyện T.

Việc UBND huyện T ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà N, đã thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và cả Văn bản của UBND tỉnh. Về giải quyết khiếu nại đã thực hiện đúng quy định tại Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Việc bà N yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có cơ sở. UBND huyện T phúc đáp cho Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại văn bản số 6609/UBND-THNC ngày 15/6/2021 của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Đ do ông Võ Văn P chức vụ phó Chủ tịch là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

1. Diễn biến vụ việc:

Thực hiện dự án Xây dựng đường dây 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hộ bà Đỗ Thị N có diện tích 203,2m² đất nông nghiệp trồng lúa (LUK) bị ảnh hưởng dưới hành lang đường điện tại thửa số 73a, tờ bản đồ số 01 xã B.

Ngày 09/10/2018 UBND huyện T ban hành Quyết định số 5238/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đỗ Thị N để thực hiện dự án Xây dựng đường dây 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T với tổng số tiền là 388.660.000 đồng, trong đó hỗ trợ về đất là 4.245.600 đồng (Diện tích bị ảnh hưởng là 73,2m²), bồi thường hỗ trợ về nhà, tài sản vật kiến trúc là 372.415.117 đồng và hưởng di dời là 12.000.000 đồng.

Không đồng ý với Quyết định số 5238/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND huyện T bà N gửi đơn khiếu nại đề ngày 14/01/2019 đến Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 02/8/2019 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3480/QĐ-UBND không công nhận các nội dung khiếu nại nêu trên của bà N. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T, bà N tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh Đ với nội dung khiếu nại:

- Đề nghị đánh giá lại cấp hạng nhà 1 diện tích 66m², nhà 2 diện tích 70m² là nhà cấp 4 hạng 2 quy định tại Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ.

- Đề nghị bồi thường công trình diện tích 440,8m² theo đơn giá 352.000 đồng/m² quy định tại Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đ.

- Đề nghị bồi thường bổ sung 01 giếng khoan sâu 50 pi, do kiểm kê thiếu;

- Đề nghị xác định lại đất vị trí 3.

Ngày 30/12/2019 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4323/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà N và đình chính tại Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 13/4/2020. Theo đó không công nhận nội dung khiếu nại của bà N; Công nhận Quyết định số 3480/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà N là đúng quy định của pháp luật; Giao cho UBND huyện T chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tính toán, hỗ trợ khác cho bà N theo hướng hỗ trợ nâng giá hỗ trợ công trình chòi diện tích 440,8m² lên bằng đơn giá 234.000 đồng/m² (tương đương với giá quy định tại Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh).

2. Ý kiến giải trình đối với nội dung khởi kiện:

a) Đối với nội dung bà Đỗ Thị N khiếu nại đề nghị đánh giá lại cấp hạng nhà 1 diện tích 66m², nhà 2 diện tích 70m² là nhà cấp 4 hạng 2 quy định tại Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh.

Theo giấy xác nhận nguồn gốc đất, nhà, vật kiến trúc ngày 28/7/2017 của UBND xã B, thể hiện: Thửa đất số 73a, tờ bản đồ số 01, có diện tích 203,2m² đất trồng lúa (LUK) bị ảnh hưởng dưới hành lang đường điện (nhà nước không thực hiện việc thu hồi đất), diện tích đất trên là 01 phần của thửa đất số 73, tờ số 01, (được gộp từ một phần diện tích của các thửa đất số 522,536,557 và 537, tờ bản đồ số 05 (bản đồ địa chính cũ). Nguồn gốc đất do ông Đỗ Văn C nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay của bà Đinh Thị Đ2 (thửa 522), bà Đinh Thị M1 (thửa 536,537,557) vào năm 2009, 2010 nhưng lập thủ tục đăng ký biến động đất đai theo quy định (trong đó thửa đất 537 chưa được cấp giấy CNQSD đất), sau đó ông C chuyển nhượng cho bà N vào ngày 26/9/2010 bằng giấy viết tay, không có xác nhận của địa phương. Bà N sử dụng không tranh chấp. tài sản, vật kiến trúc bà N tạo lập trên thửa đất số 73, tờ bản đồ số 01 đất nông nghiệp từ năm 2014.

Theo biên bản kiểm điểm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngày 28/7/2017 đối với hộ bà N của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T phối hợp với các cơ quan liên quan, thể hiện: Nhà 1 diện tích 66m², có kết cấu: Mái tôn, khung cột gạch, tường xây tô sơn nước ốp gạch một mặt phía trong, nền gạch men, trần xốp, cửa sắt; Nhà 2 diện tích 70m² có kết cấu: Mái tôn, khung cột gạch, tường xây tô sơn nước ốp gạch mặt phía trong, nền gạch men, trần xốp, cửa tôn.

Căn cứ phụ lục 01- d ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ, xác định kết cấu nhà của bà N có các tiêu chí như sau: Nhà 1 có 1/6 tiêu chí là nhà C4H1 (nền gạch men), có 02/06 tiêu chí là nhà C4H2 (khung cột gạch, tường xây tô sơn nước ốp gạch mặt phía trong), có 03/06 là tiêu chí là nhà C4H3 (Mái tôn, trần xốp, cửa sắt);

Nhà 2 có 01/06 tiêu chí là nhà C4H1 (nền gạch men) có 02/06 tiêu chí là nhà C4H2 (khung cột gạch, tường xây tô sơn nước ốp gạch mặt phía trong), có 03/6 tiêu chí là nhà C4H3 (Mái tôn, trần xốp, cửa sắt).

Căn cứ quy định tại mục 6, phụ lục 01 ban hành kèm theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh quy định: “trường hợp các bộ phận cấu tạo của nhà

nằm ở các hạng mục khác nhau trong cùng một cấp thì hạng nhà được xác định theo hạng có các bộ phận cấu tạo chiếm tỷ trọng cao hơn”, việc UBND huyện T ban hành Quyết định số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà N để thực hiện dự án đường dây 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T, theo đó bồi thường Nhà ở 1 diện tích 66m², Nhà 2 diện tích 70m² theo đơn giá nhà cấp 4 hạng 3 là phù hợp theo quy định.

b) Đối với nội dung Đỗ Thị N khiếu nại đề nghị bồi thường công trình diện tích 440,8m² theo đơn giá 352.000 đồng/m² quy định tại Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đ:

Theo biên bản kiểm điểm về đất đai, thống kê nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất ngày 28/7/2017 đối với hộ bà N của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T phối hợp với các cơ quan liên quan, thể hiện: Chòi diện tích 440,8m², có kết cấu: Mái tôn, vách tôn 2 bên, khung cây bạch đàn + cây sắt, sàn bằng thanh gỗ ghép.

Do công trình của bà N không có trong danh mục bồi thường theo phụ lục 1 quy định Bảng giá bồi thường, hỗ trợ vật và kiến trúc ban hành kèm theo Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh; Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 2 Quyết định số 55/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh ban hành quy định về giá bồi thường, hỗ trợ tài sản khi nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai quy định: “tổ chức bồi thường cấp huyện tính toán mức giá bồi thường, hỗ trợ (hoặc bồi thường, hỗ trợ chi phí di dời) cho từng tài sản cụ thể gửi Sở T4. Sở Tài chính chủ trì phối hợp sở quản lý chuyên ngành thẩm định và trình UBND tỉnh quyết định giá bồi thường, hỗ trợ đối với tài sản. Trong trường hợp tổ chức bồi thường cấp huyện không tính toán được mức giá bồi thường, hỗ trợ thì tổ chức bồi thường cấp huyện phối hợp với chủ dự án thuê tổ chức tư vấn có chức năng để xác định giá làm cơ sở để Tổ chức bồi thường cấp huyện lập phương án giá trình Sở Tài chính. Sở Tài chính chủ trì phối hợp sở quản lý chuyên ngành thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt mức giá bồi thường, hỗ trợ cho từng tài sản cụ thể”.

Ngày 22/01/2018, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện T có Văn bản số 28/HĐBT về việc xem xét thẩm định chứng thư thẩm định giá tài sản đối với các hộ dân thuộc dự án đường dây điện 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T, trong đó có hộ bà N (kèm theo chứng thư thẩm định giá số 125/TĐG-CT ngày 22/01/2018 của Công ty thẩm định giá Đồng Nai) thì Chòi diện tích 440,8m² có đơn giá 195.000 đồng/m².

Ngày 28/02/2018, Sở T4 có Văn bản số 1025/STC-GCS báo cáo UBND tỉnh theo đó kiến nghị UBND tỉnh thống nhất đơn giá hỗ trợ bằng 40% đơn giá được xác định tại chứng thư 125/TĐG-CT ngày 22/01/2018 của Công ty T5 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Văn bản số 2124/UBND-ĐT ngày 07/3/2018.

Căn vào Văn bản số 2124/UBND-ĐT ngày 07/3/2018 của UBND tỉnh, UBND huyện T ban hành Quyết định số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để thực hiện dự án đường dây 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T, hỗ trợ cho hộ bà N với mức hỗ trợ Chòi diện tích 440,8m² với đơn giá là 78.000 đồng/m².

Trên cơ sở báo cáo của Sở T4, UBND tỉnh có Văn bản số 183/UBND-ĐT ngày 15/6/2018 và Văn bản số 8399/ UBND-ĐT ngày 09/8/2018 chấp thuận cho UBND huyện T tính toán hỗ trợ thêm cho các hộ dân thuộc dự án đường dây điện 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T với mức hỗ trợ là 20% theo chứng thư thẩm định giá (tổng mức sau khi hỗ trợ là 60%) đơn giá của chứng thư thẩm định.

Ngày 04/7/2019, thanh tra tỉnh tổ chức buổi làm việc có sự tham gia của đại diện Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở T, Sở Xây dựng, UBND huyện T, Thanh tra huyện T, Phòng Quản lý đô thị huyện T, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện T, Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T, UBND xã B. Trên cơ sở kết quả rà soát hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của hộ bà N, các thành phần tham gia buổi làm việc thống nhất: Đối với nhà, công trình không hội tụ đủ điều kiện để xác định cấp hạng nhà theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 và Quyết định số

55/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ, việc Hội đồng bồi thường huyện T thuê đơn vị tư vấn thẩm định giá cụ thể các công trình, tài sản vật kiến trúc để làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân là phù hợp theo quy định.

Ngày 19/9/2019 và ngày 20/9/2019, Thanh tra tỉnh tổ chức buổi làm việc có sự tham gia của đại diện Sở Xây dựng, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở T, UBND huyện T, UBND xã B, kết quả thể hiện: Qua rà soát các hồ sơ bồi thường của hộ bà N, đối chiếu với kết cấu công trình tại biên bản kiểm kê, hình ảnh kèm theo và báo cáo số 176/UBND ngày 16/9/2019 của UBND xã B; đề bót thiết thời cho người dân, Thanh tra tỉnh kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét hỗ trợ khác cho hộ bà N theo hướng: Hỗ trợ giá công trình Chòi diện tích 440,8m² (có kết cấu: Mái tôn, vách tôn 2 bên, khung cây bạch đàn + cây sắt, sàn bằng thanh gỗ ghép) theo đơn giá là 234.000 đồng/m² tương đương với đơn giá quy định tại Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh Đ.

Ngày 30/12/2019, Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã ban hành số 4323/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà N (lần 2). Theo đó tại Điều 1 của Quyết định:

- Không cộng nhận nội dung đơn khiếu nại của bà N;
- Công nhận Quyết định số 3480/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà N là đúng quy định của pháp luật;
- Giao cho UBND huyện T chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất huyện tính toán, hỗ trợ khác cho bà N theo hướng hỗ trợ nâng giá hỗ trợ công trình chòi diện tích 440,8m² lên bằng đơn giá 234.000 đồng/m² (tương đương với giá quy định tại Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh) theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

Căn cứ chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định nêu trên, ngày 22/6/2020, UBND huyện T đã phê duyệt phương án hỗ trợ bổ sung đối với hộ bà N để thực hiện dự án đường dây điện 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T tại Quyết định số 2296/QĐ-UBND.

c) Đối với nội dung bà Đỗ Thị N đề nghị bố trí tái định cư:

Căn cứ vào khoản 3, Điều 4, Quy định kèm theo Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh, với nội dung: “Đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất khi nhà nước thu hồi đất gắn liền với nhà ở thuộc trường hợp phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn xã, phường, thị trấn nơi có đất ở thu hồi thì được nhà nước bán, cho thuê mua nhà ở hoặc được giao đất ở có thu tiền sử dụng đất nếu nhà ở bị giải tỏa xây dựng trước ngày 01/7/2014, nếu nhà ở xây dựng từ ngày 01/7/2014 về sau bị giải tỏa thì không được xem xét, giải quyết việc giao đất ở”

Trên cơ sở xác nhận của UBND xã B và hồ sơ bồi thường, hỗ trợ tại dự án thể hiện:

- + Hộ bà Đỗ Thị N tạm trú tại tổ H, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
- + Tài sản tạo lập trên đất nông nghiệp từ năm 2014.
- + Không phải di chuyển chỗ ở, còn nhà ở khác trên địa bàn xã (Theo xác nhận của Công an xã B tại Báo cáo số 11/BC-CAX ngày 30/12/2019, thể hiện: “qua kiểm tra hồ sơ tàng thư nhân khẩu đối với hộ bà N xác định hện bà N đang chung sống cùng chồng là Phùng Xuân N1, các con và em chồng là Phùng Văn B gồm 05 nhân khẩu do anh N1 làm chủ hộ tại ấp S, xã B. Theo hồ sơ đăng ký nhập khẩu của anh N1 vào năm 2017, anh N1 có làm “đơn xin xác nhận nhà ở hợp pháp” tại thửa đất 155, tờ bản đồ số 11 thuộc ấp S, xã B và có xác nhận của UBND xã B. Hiện gia đình bà N đang sinh sống cùng chồng và con trai tại nhà thuộc thửa đất trên”).

Ngày 10/01/2020 Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức buổi họp lấy ý kiến về nội dung xin mua lô nền đất ở của các hộ dân tại dự án đường D Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T. Qua kiểm tra, rà soát hồ sơ bồi thường, hỗ trợ, đối chiếu, vận dụng các quy định của pháp luật, nhu cầu đất ở của từng hộ dân và hồ sơ xác minh do UBND xã B cung cấp, các thành phần tham dự có ý kiến không xem xét hỗ trợ cho mua lô nền đất ở đối với 20 hộ dân (Trong đó có hộ bà Đỗ Thị N).

Do đó, hộ bà N không đủ điều kiện được cấp đất tái định cư hay giao đất ở có thu tiền sử dụng đất.

3. Nhận xét và kiến nghị:

Căn cứ vào các quy định của pháp luật có liên quan, căn cứ vào hồ sơ bồi thường cho hộ bà N tại dự án đường D Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T như đã nêu trên và tình hình thực tế tại địa phương thì việc UBND huyện T ban hành Quyết định số 5238/QĐ-UBND ngày 09/10/2018, Quyết định số 6441/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 và Quyết định số 6442/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho hộ bà N; Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà N (lần đầu); Chủ tịch UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 4323/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 về việc giải quyết khiếu nại của bà N (lần 2) là đúng quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bác yêu cầu khởi kiện của bà N, giữ nguyên quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã ban hành.

** Tại bản ý kiến ghi ngày 10/3/2022 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phùng Xuân N1 đồng thời là người đại diện theo pháp luật của cháu Phùng Thị Thanh N2 và cháu Phùng Trọng Đ3 (con bà N- ông N1) trình bày:*

Ông là chồng của bà Đỗ Thị N đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Cháu Phùng Thị Thanh N2 và cháu Phùng Trọng Đ3 (con bà N- ông N1).

Ông xin có ý kiến về vụ án như sau:

Về nguồn gốc đất: Chúng tôi sử dụng một phần thửa đất số 73, tờ bản đồ địa chính số 01 xã B từ năm 2009, có nhà cửa, vật kiến trúc được xây dựng ổn định trước thời điểm Nhà nước lập dự án xây dựng đường dây 500KV – Trung tâm Đ4 – rẽ Sông mây – T;

Chúng tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N theo đó bà N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên hủy các quyết định sau: Quyết định số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, tái định cư; Quyết định số 6441/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 6442/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường bổ sung cho bà N; Quyết định số 3480/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu; Quyết định số 4323/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai;

Theo đơn khởi kiện của bà N yêu cầu buộc Chủ tịch UBND huyện T phải cấp cho bà N một suất tái định cư theo quy định của pháp luật và buộc UBND huyện T phải tính toán lại việc bồi thường cho bà N đúng quy định theo Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ mà theo đó giá nhà cấp 4 hạng 2 là 2.617.000 đồng/1m², bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông. Ông đề nghị được vắng mặt trong quá trình Đối thoại, công khai chứng cứ, xét xử sơ thẩm và phúc thẩm đối với vụ án nêu trên.

** Quan điểm tranh luận của ông Bùi Xuân H1 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T và Ủy ban nhân dân huyện T trình bày:*

Việc UBND huyện T ban hành các Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà N đã thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các Văn bản của UBND tỉnh. Về giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T đã thực hiện đúng quy định tại Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ.

Dự án đường dây điện nói trên do người dân xây dựng trái phép rất nhiều nên đã thành lập hội đồng thẩm định giá và kết luận các công trình này không đủ tiêu chuẩn để áp dụng Quyết định 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh Đ.

Về nơi cư trú: Qua báo cáo xác minh của Công an xã B ngày 27/12/2019 thì bà N có hộ khẩu thường trú ấp S, xã B, gia đình có 04 nhân khẩu. Như vậy bà N có nơi ở khác tại tổ A ấp S nên không đủ điều kiện để xét tái định cư.

Đất do ông C chuyển nhượng cho bà N. Tại giấy tờ chuyển nhượng thể hiện thời điểm chuyển nhượng là năm 2015 nhưng số giấy CMND của bà N ghi nhận tại giấy trên được cấp năm 2016 là không hợp lý. Tuy nhiên, UBND xã đã xác định bà N là người trực tiếp sử dụng đất nên đã xem xét bồi thường, hỗ trợ cho bà N theo đúng quy định.

Do đó, bà N yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Na.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Căn cứ Điều 3, 30, 32, 115, 157, 158, 191, 193, 206 và Điều 348 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ Điều 62, 74, 114, 204 Luật đất đai năm 2003; khoản 1 Điều 15, Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về giá đất; Điều 25, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Đ, Ban hành quy định về giá các loại đất tỉnh Đồng Nai 05 năm giai đoạn 2015-2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và quyết định giải quyết khiếu nại*” đối với người bị kiện UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc yêu cầu hủy các Quyết định:

- Quyết định số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, tái định cư;

- Quyết định số 6441/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 6442/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường bổ sung cho bà N;

- Quyết định số 3480/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 4323/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/8/2022 người khởi kiện bà Đỗ Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện bà Đỗ Thị N có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Trọng T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Trọng T trình bày: Trong quyết định phê duyệt kinh phí bồi thường ghi nhận bà N không có hộ khẩu tại tỉnh Đồng Nai nên không được cấp suất tái định cư là không đúng, bà N có hộ khẩu tại thành phố B và tạm trú tại xã B. Từ đó người khởi kiện chứng minh được có hộ khẩu trước thời điểm thu hồi, nếu không cấp cho bà N suất tái định cư thì phải tạo điều kiện cho bà N được mua suất tái định cư, hỗ trợ cho người dân có nơi ở. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện

đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hành chính 2015 và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Trên cơ sở xác nhận của Ủy ban nhân dân xã B và hồ sơ bồi thường nhận thấy hộ khẩu của ông N1 lập năm 2017, đơn xin mua nền đất tái định cư theo xác minh thì không xem xét cho bà N được vì không đủ điều kiện được cấp suất tái định cư cũng như giao đất có thu tiền, bà N đã nhận tiền bồi thường, xây dựng công trình trái phép vì vậy các quyết định bị kiện được ban hành và thực hiện đúng trình tự, quy định pháp luật. Do vậy Bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Đỗ Thị N là có căn cứ, yêu cầu kháng cáo không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị N, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị N trong hạn luật định, hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo:

[2.1] Về nội dung vụ án: bà N yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai tuyên hủy các quyết định sau:

1. Quyết định số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, tái định cư;

2. Quyết định số 6441/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 6442/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường bổ sung cho bà N;

3. Quyết định số 3480/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu;

4. Quyết định số 4323/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai.

[2.2] Xét các Quyết định bị kiện:

[2.2.1] Xét trình tự, thủ tục ban hành:

Hội đồng xét xử xét thấy việc Ủy ban nhân dân huyện T và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T ban hành các Quyết định số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, tái định cư; Quyết định số 6441/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 6442/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường bổ sung cho bà N; Quyết định số 3480/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu là đúng trình tự quy định của pháp luật. Việc bà N khiếu nại việc bồi thường, hỗ trợ đã được Chủ tịch UBND huyện T xác minh và ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đúng quy định của pháp luật. Không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu bà N tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Trong quá trình giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh đã tiến hành xác minh, đối thoại và đã ban hành Quyết định số 4323/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai. Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà N là đúng trình tự của pháp luật.

[2.2.2] Xét căn cứ và thẩm quyền:

- Luật đất đai năm 2013;
- Luật Điện lực năm 2004, sửa đổi, bổ sung năm 2012;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 06/9/2015;
- Luật đất đai năm 2013;

- Nghị Định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

- Nghị Định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Nghị Định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật điện lực;

- Nghị Định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 17/3/2016 của Bộ T2 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh, Ban hành quy định về việc phối hợp thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ , tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay được thay thế bằng Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 16/10/2019 của UBND tỉnh);

- Quyết định số 08/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh, Ban hành quy định về giá bồi thường, hỗ trợ , tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay được thay thế bằng Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh);

- Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 22/02/2018 của UBND tỉnh, Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ , tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 57/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh, Ban hành đơn giá xây dựng nhà ở để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, để bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho người đang thuê, để định giá trong các vụ án của Tòa án, thi hành án và để định giá trong các nghiệp vụ kinh tế khác trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 56/2014/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của UBND tỉnh, Ban hành quy định về việc thực hiện dân chủ trong công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, tái định cư trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

- Thông báo số 1899/TB-UBND ngày 13/7/2016 của UBND tỉnh Đ, về việc thu hồi đất để thực hiện dự án xây dựng đường dây 500KV – Trung tâm Đ4 – rẽ Sông mây – T đoạn qua huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Đối với UBND huyện T đã căn cứ các quy định của pháp luật đã ban hành các Quyết định nêu trên là đúng trình tự quy định của pháp luật. Về thẩm ban hành các văn bản nêu trên đúng quy định của pháp luật.

Đối với Chủ tịch UBND huyện T đã căn cứ vào Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 06/9/2015; Luật khiếu nại; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ, quy định quy trình giải khiếu nại hành chính; các văn bản của UBND tỉnh Đ đã nêu trên và xét đơn khiếu nại của bà N ghi ngày 14/01/2019. Chủ tịch UBND Trảng Bom đã ban hành Quyết định số 3480/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 “Về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị N (lần đầu)” là đúng trình tự quy định của pháp luật và thẩm quyền ban hành.

Đối với Chủ tịch UBND tỉnh Đ đã căn cứ vào Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 06/9/2015; Luật khiếu nại; Luật đất đai; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ, quy định quy trình giải khiếu nại hành chính; các văn bản của UBND tỉnh Đ đã nêu trên và xét đơn khiếu nại của bà N ghi ngày 05/8/2019, đã ban hành Quyết định số 4323/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai là đúng quy định của pháp luật.

[2.2.3] Về nội dung:

Thực hiện dự án Xây dựng đường dây 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hộ bà Đỗ Thị N có diện tích 203,2m² đất nông nghiệp trồng lúa (LUK) bị ảnh hưởng dưới hành lang đường điện tại thửa số 73a, tờ bản đồ số 01 xã B.

Ngày 09/10/2018 UBND huyện T ban hành Quyết định số 5238/QĐ-UBND về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà Đỗ Thị N để thực hiện dự án Xây dựng đường dây 500KV Trung tâm Đ4 - T, đoạn qua xã B, huyện T với tổng số tiền là 388.660.000 đồng, trong đó hỗ trợ về đất là 4.245.600 đồng (Diện tích bị ảnh hưởng là 73,2m²), bồi thường hỗ trợ về nhà, tài sản vật kiến trúc là 372.415.117 đồng và thưởng di dời là 12.000.000 đồng. Sau đó UBND huyện T có các quyết định bổ sung (Quyết định số 6441/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 6442/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của UBND huyện T về việc bồi thường bổ sung cho bà N).

Không đồng ý với Quyết định số 5238/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của UBND huyện T bà N gửi đơn khiếu nại đề ngày 14/01/2019 đến Chủ tịch UBND huyện T.

Ngày 02/8/2019 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3480/QĐ-UBND không công nhận các nội dung khiếu nại nêu trên của bà N. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T, bà N tiếp tục có đơn gửi Chủ tịch UBND tỉnh Đ.

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4323/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai;

Hội đồng xét xử xét thấy việc UBND huyện T ban hành các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà N, đã thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và các Văn bản của UBND tỉnh Đ. Về giải quyết khiếu nại đã thực hiện đúng quy định tại Luật khiếu nại năm 2011 và Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ. Vì vậy bà N yêu cầu hủy các quyết định nêu trên là không có cơ sở để chấp nhận như nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có kháng cáo cũng không có tài liệu, chứng cứ mới so với những chứng cứ đã được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người khởi kiện bà Đỗ Thị N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị N. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 32/2022/HC-ST ngày 26/7/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị N về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và quyết định giải*

quyết khiếu nại” đối với người bị kiện UBND huyện T, Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh Đ về việc yêu cầu hủy các Quyết định:

- Quyết định số 5238/QĐ-UBND, ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, tái định cư;

- Quyết định số 6441/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường, hỗ trợ và Quyết định số 6442/QĐ-UBND, ngày 05/12/2018 của Ủy ban nhân dân huyện T về việc bồi thường bổ sung cho bà N;

- Quyết định số 3480/QĐ-UBND, ngày 02/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu;

- Quyết định số 4323/QĐ-UBND, ngày 30/12/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ về việc giải quyết đơn khiếu nại lần hai.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Buộc bà Đỗ Thị N phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002973 ngày 28/11/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Đương sự (5);
- Lưu HS (2), VP(3) 15B LTTT.

Trần Văn Mười